TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 37 /2019 /QĐST- HNGĐ

Ts, ngày 11 tháng 03 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 35/2019/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa:

Chị Lê Thị T, sinh năm 1986

Trú tại: Thôn Bái G, xã Thọ T, huyện Tr, tỉnh T.

Anh Vũ Trọng H, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn Bái G, xã Thọ T, huyện Tr, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị T, sinh năm 1986

Anh Vũ Trọng H, sinh năm 1985

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Trọng H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung với nhau, tên cháu là Vũ Lê Nhật N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2009 và cháu Vũ Lê Nhật H1, sinh ngày

02/12/2011. Ly hôn vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nhật H1, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật N, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra.

Các bên được quyền đi lại chăm sóc con chung, bên trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản và phần nợ: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận , chị T nộp toàn bộ tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị T đã nộp theo biên lai số AA/2018/ 0003367 ngày 13 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho chị T số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS Tr
- Chi cục thi hành án Tr
- phòng Giám đốc án
- UBND xã Thọ T
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy